

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt dự kiến danh mục, kế hoạch vốn
đầu tư công huyện Lục Ngạn năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Xét Tờ trình số 789/TTr-UBND ngày 08/8/2023 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự kiến danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công huyện Lục Ngạn năm 2024, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn dự kiến: **699.229.000.000 đồng**, trong đó:

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ (bao gồm hỗ trợ xây dựng cầu, ngầm dân sinh; hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc Công an xã; hỗ trợ hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt hoặc còn thiếu của đô thị Chủ đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; hỗ trợ các Chương trình Mục tiêu quốc gia): 228.497.000.000 đồng.

2. Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng cầu Đèo Gia - Phú Nhuận: 45.000.000.000 đồng.

3. Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: 103.565.000.000 đồng.

4. Nguồn vốn ngân sách huyện: 322.167.000.000 đồng; trong đó:

- Trả nợ 50 công trình dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023: 155.653.000.0000 đồng.

- Thanh toán 21 công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2024: 122.935.000.000 đồng.

- Đầu tư xây dựng mới 40 công trình, dự án năm 2024; kinh phí BT-GPMB, chuẩn bị đầu tư, trả nợ hỗ trợ kinh phí làm đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND: 13.579.000.000 đồng.

(có các biểu chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban Nhân dân huyện triển khai các bước tiếp theo làm cơ sở để phân bổ kế hoạch vốn và tổ chức thực hiện trong năm 2024 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Nghị quyết này được HĐND huyện Lục Ngạn Khoá XX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- VP ĐTBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các CQ thuộc HU, HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước huyện;
- ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, HS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thu Hường



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023;
ĐỀ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 HUYỆN LỤC NGẠN
 Kế hoạch theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/8/2023 của HĐND huyện Lạc Ngạn)

Đơn vị: Triệu đồng

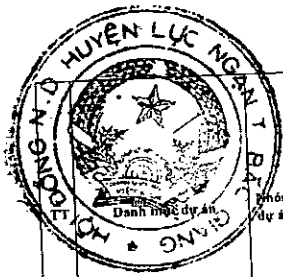
STT	Nguồn vốn	Kế hoạch	Năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023				
			4	5	6	7	8	9
1	2	3						
	TỔNG SỐ							
1	Vốn NSNN	37.000	28.920	75.000	1.091.235	0	273.497	
	<i>Trong đó:</i>							
a)	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		<i>10.000</i>	<i>38.000</i>	<i>762.435</i>	<i>0</i>	<i>228.497</i>	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương)		10.000	38.000	762.435		228.497	
b)	<i>Vốn ngân sách Trung ương bổ sung cho địa phương</i>	<i>37.000</i>	<i>18.920</i>	<i>37.000</i>	<i>328.800</i>	<i>0</i>	<i>45.000</i>	
-	Vốn trong nước	37.000	18.920	37.000	328.800		45.000	
-	Vốn nước ngoài							
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	82.097	78.597	82.097	1.904.950		322.167	



STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NS tỉnh giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch 2024			Ghi chú					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Trong đó:				
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Lập	Nhóm C	xã Tân Lập	Công trình dân dụng cấp III	2023-2024		3.800	1.000	300			300	300	3.800	-	3.800	300	-	3.500	2.660		2.660						
7	Trụ sở làm việc Công an xã Biển Động	Nhóm C	xã Biển Động	Công trình dân dụng cấp III	2023-2024		4.500	1.000	300			300	300	4.500	-	4.500	300	-	4.200	3.150		3.150						
8	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Dương	Nhóm C	xã Nam Dương	Công trình dân dụng cấp III	2023-2024		4.800	1.000	300			300	300	4.800	-	4.800	300	-	4.500	3.360		3.360						
9	Trụ sở làm việc Công an xã Đèo Gia	Nhóm C	xã Đèo Gia	Công trình dân dụng cấp III	2023-2024		4.500	1.000	300			300	300	4.500	-	4.500	300	-	4.200	3.150		3.150						
10	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Sơn Hải, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	Nhóm C	xã Sơn Hải	Công trình dân dụng cấp III	2022-2024	2699 ngày 29/09/2022	26.000	7.095	11.196	5.000	5.000	-	11.196	5.000	11.879	5.000	26.000	16.000	11.879	11.879	14.121	2.095		2.095				
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						655.568	352.067	197.003	19.000	16.500	-	197.003	19.000	199.593	21.304	603.900	252.900	201.000	263.847	119.520	130.467	240.577	178.288	-	178.288	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (Đoạn 1 từ Km6+776.16 đến Km13+890, đoạn 2 từ Km18+236 đến Km26+981.60) huyện Lục Ngạn	Nhóm B	Xã Sơn Hải, Xã Hộ Đáp	Công trình giao thông cấp IV	2022-2025	2702 ngày 29/09/2022	93.000	22.260	25.256	2.000	16.500	-	25.256	2.000	27.104	4.304	93.000		93.000	3.700	-	3.700	33.300	9.000	-	9.000		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh; phòng chức năng 2 tầng; Bộ kê sân bán trú, lan can bê tông, sân bê tông, vãnh lao bao quanh; Nhà ăn bán trú, phòng trực quản sinh	Nhóm C	xã Sơn Hải	Công trình dân dụng cấp III	2023-2025	3222 ngày 16/12/2022	25.000	9.139	3.458	1.000	-	-	3.458	1.000	3.700	1.000	25.000	-	25.000	3.458	-	3.458	10.000	3.000	-	3.000		
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đi xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Nhóm B	Xã Sơn Hải, Xã Hộ Đáp	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025	3221 ngày 16/12/2022	83.000	16.100	3.289	1.000	-	-	3.289	1.000	3.789	1.000	83.000	-	83.000	3.789	-	3.789	41.089	10.100	-	10.100		
4	Trung tâm liên hợp thể thao huyện Lục Ngạn (giai đoạn I)	Nhóm C	thị trấn Chũ		2023-2025		50.000	34.000	16.000	-	-	-	16.000	-	16.000	-	50.000	34.000	-	34.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	
5	Xây dựng công viên trung tâm huyện Lục Ngạn (giai đoạn I)	Nhóm C	thị trấn Chũ		2023-2025		45.000	34.000	11.000	-	-	-	11.000	-	11.000	-	45.000	34.000	-	34.000	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	



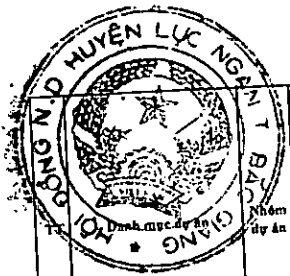
STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NS tính giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch 2024			Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB							
6	Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường QL31 (đoạn Phường Sơn - Thị trấn Chủ - Hồng Giang)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		68.000	30.300	37.700	-	-	-	37.700	37.700	-	68.000	30.300	-	30.300	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400				
7	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến TL289 và TL289 kéo dài, đoạn Nam Dương - Trù Hữu	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		18.000	6.000	12.000	-	-	-	12.000	12.000	-	18.000	6.000	-	6.000	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400		
8	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lê Duẩn, thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		14.500	2.500	12.000	-	-	-	12.000	12.000	-	14.500	2.500	-	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500		
9	Chỉnh trang, cải tạo tuyến đường Dã Tượng và tuyến đường từ ngã ba Trung Nghĩa đi Tò dân phố Nghĩa, thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		14.700	6.700	8.000	-	-	-	8.000	8.000	-	14.700	6.700	-	6.700	4.410	4.410	4.410	4.410	4.410	4.410	4.410	4.410	4.410	
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường (tuyến Phạm Ngũ Lão, tuyến Yên Kiều và tuyến từ ngã Tư truyền Hình vào chùa Khánh Vân), thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		14.300	6.300	8.000	-	-	-	8.000	8.000	-	14.300	6.300	-	6.300	4.290	4.290	4.290	4.290	4.290	4.290	4.290	4.290	4.290	
11	Xây dựng Nhà tang lễ huyện Lạc Ngạn (khu vực Trung tâm Y tế huyện)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		10.000	9.500	500	-	-	-	500	500	-	10.000	9.500	-	9.500	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	
12	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực, lưu vực thị trấn Chủ (giai đoạn I)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		55.000	54.500	500	-	-	-	500	500	-	55.000	54.500	-	54.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	
13	Cải tạo, nâng cấp cầu Suối Bông, xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		11.000	5.000	6.000	-	-	-	6.000	6.000	-	11.000	5.000	-	5.000	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	
14	Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường đến trung tâm xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		14.500	6.000	8.500	-	-	-	8.500	8.500	-	14.500	6.000	-	6.000	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350	
15	Thâm mật đường trục chính vào trung tâm xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		6.500	2.000	4.500	-	-	-	4.500	4.500	-	6.500	2.000	-	2.000	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950	
16	Cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang điện chiếu sáng, các hạng mục cần thiết khác một số tuyến đường trung tâm thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		4.500	2.000	2.500	-	-	-	2.500	2.500	-	4.500	2.000	-	2.000	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	
17	Cải tạo, mở rộng mặt đường giao thông đoạn thôn Ngọc Nương đi Cầu phao An Phú, xã Mỹ An	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		5.900	2.400	3.500	-	-	-	3.500	3.500	-	5.900	2.400	-	2.400	1.770	1.770	1.770	1.770	1.770	1.770	1.770	1.770	1.770	



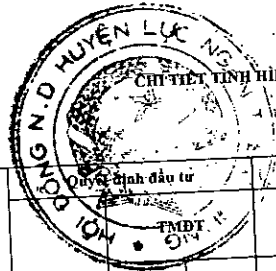
STT	Mô tả dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư (trung hạn vốn NS tính giai đoạn 2021-2025)						Nhu cầu kế hoạch 2024			Ghi chú							
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023				Trong đó: NS tính										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
																	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB						
18	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính khu trung tâm xã Phương Sơn - Tuyến QL31 vào Nhà văn hóa thôn Từ Xuyên	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		4.000	3.000	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-	4.000	3.000	-	3.000	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200							
19	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính khu trung tâm xã Phương Sơn - Tuyến QL31 vào Nhà văn hóa thôn Phương Khê	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		6.000	5.000	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-	6.000	5.000	-	5.000	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800							
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT289 đi nhà văn hóa thôn Min To, xã Trù Hưu	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		10.000	5.500	4.500	-	-	-	4.500	4.500	-	10.000	5.500	-	5.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500							
21	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL31 vào thôn Kép 1, xã Hồng Giang	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		10.000	8.000	2.000	-	-	-	2.000	2.000	-	10.000	8.000	-	8.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000							
22	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Tân Trường xã Thanh Hải đi thôn Sậy xã Trù Hưu	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		7.000	5.000	2.000	-	-	-	2.000	2.000	-	7.000	5.000	-	5.000	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100							
23	Cải tạo mở rộng tuyến đường từ đường trục chính vào UBND xã Thanh Hải (Đoạn từ nhà ông Sạc đến nhà ông Hải)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		3.500	3.000	500	-	-	-	500	500	-	3.500	3.000	-	3.000	1.050	1.050	1.050	1.050	1.050	1.050							
24	Mở rộng, cứng hóa đường trục thôn Lam Sơn, Trại Giáp và Cẩm Hoàng, xã Kiến Thành	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		5.500	4.500	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-	5.500	4.500	-	4.500	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650							
25	Cải tạo, mở rộng mặt đường trục thôn khu trung tâm, xã Nam Dương	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		5.500	4.500	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-	5.500	4.500	-	4.500	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650							
26	Xây dựng rãnh thoát nước khu trung tâm xã Kiên Lao	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		5.000	4.700	300	-	-	-	300	300	-	5.000	4.700	-	4.700	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500							
27	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Quý Sơn (đường ĐH86)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025		14.500	8.500	6.000	-	-	-	6.000	6.000	-	14.500	8.500	-	8.500	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350	4.350							
28	Quy hoạch chung đô thị Chủ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045 (tỷ lệ 1/10.000)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2023-2024		11.000	11.000	5.000	5.000			5.000	5.000	5.000	5.000										6.000	6.000	6.000				
29	Quy hoạch chung đô thị Biên Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5000)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2023-2024		3.200	3.200	1.600	1.600			1.600	1.600	1.600	1.600												2.400	2.400	2.400		
30	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phi Điền, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2023-2024		3.900	3.900	1.500	1.500			1.500	1.500	1.500	1.500													2.400	2.400	2.400	



STT	Tên dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023	KH đầu tư trung hạn vốn NS tính giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch 2024			Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số		Trong đó:		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
															Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
31	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		3.900	3.900	1.800	1.800			1.800	1.800	1.800	1.800					2.100	2.100		2.100			
32	Đề án đề nghị công nhận đô thị Chủ mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		1.700	1.700	1.300	1.300			1.300	1.300	1.300	1.300					255	255		255			
33	Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Biên Động đạt tiêu chí đô thị loại V	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		705	705	450	450			450	450	450	450					1.700	1.700		1.700			
34	Lập Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Chủ	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		1.900	1.900	200	200			200	200	200	200					412	412		412			
35	Lập hồ sơ để xuất khu vực phát triển đô thị Biên Động (Chương trình phát triển đô thị)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		712	712	300	300			300	300	300	300					1.100	1.100		1.100			
36	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị và trung tâm hành chính tại thị trấn Chủ, huyện Lạc Ngạn, tỷ lệ 1/500	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		1.600	1.600	500	500			500	500	500	500					3.250	3.250		3.250			
37	Lập quy hoạch phân khu, khu trung tâm đô thị Chủ tỉnh Bắc Giang.	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		3.600	3.600	350	350			350	350	350	350											
38	Đề án sắp xếp điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lạc Ngạn và huyện Sơn Động để chia tách, thành lập thị xã Chủ và các phường thuộc thị xã Chủ; thành lập thị trấn Phi Diễn, thị trấn Biên Động thuộc huyện Lạc Ngạn	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2024		19.451	19.451	2.000	2.000			2.000	2.000	2.000	2.000					17.451	17.451		17.451			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2024						33.100	8.000	800	-	-	-	800	-	800	-	33.100	-	33.100	800	-	-	32.300	23.170	-	23.170	-
1	Trụ sở làm việc Công an xã Phong Minh	Nhóm C	xã Phong Minh	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		4.800	1.000	100	-	-	-	100	-	100	-	4.800	-	4.800	100	-	-	4.700	3.360	-	3.360	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Sa Lý	Nhóm C	xã Sa Lý	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		3.800	1.000	100	-	-	-	100	-	100	-	3.800	-	3.800	100	-	-	3.700	2.660	-	2.660	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Trù Hựu	Nhóm C	xã Trù Hựu	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		4.800	1.000	100	-	-	-	100	-	100	-	4.800	-	4.800	100	-	-	3.700	2.660	-	2.660	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Giáp Sơn	Nhóm C	xã Giáp Sơn	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		3.800	1.000	100	-	-	-	100	-	100	-	3.800	-	4.800	100	-	-	4.700	3.360	-	3.360	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Hoa	Nhóm C	xã Tân Hoa	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		4.800	1.000	100	-	-	-	100	-	100	-	4.800	-	4.800	100	-	-	4.700	3.360	-	3.360	



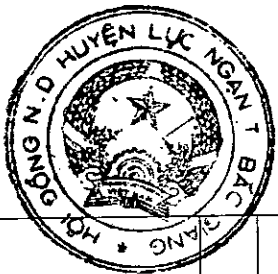
STT	Tên dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NS tỉnh giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch 2024				Ghi chú			
							TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Trong đó: NS tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Tổng số			Trong đó:		Tổng số	Trong đó:								
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB					
6	Trụ sở làm việc Công an xã Phương Sơn	Nhóm C	xã Phương Sơn	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		3.500	1.000	100	-	-	-	100	100	-	3.500	-	3.500	100	-	3.400	2.450	-	2.450				
7	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Sơn	Nhóm C	xã Tân Sơn	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		3.800	1.000	100	-	-	-	100	100	-	3.800	-	3.800	100	-	3.700	2.660	-	2.660				
8	Trụ sở làm việc Công an xã Hộ Đáp	Nhóm C	xã Phi Điền	Công trình dân dụng cấp III	2024-2025		3.800	1.000	100	-	-	-	100	100	-	3.800	-	3.800	100	-	3.700	2.660	-	2.660				



CHI TIẾT LĨNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023; DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/8/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Năm 2023										KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch 2024			Ghi chú	
							Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:								
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
TỔNG SỐ									37.000	37.000	18.920	18.920	37.000	37.000	108.000	107.700	328.800	0	328.800	107.900	0	107.900	86.500	45.000	0	45.000	0
A NGÀNH/ LĨNH VỰC...																											
(1) Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																											
1	Xây dựng, cải tạo hạ tầng thiết yếu vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao huyện Lục Ngạn	Nhóm B	huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Công trình giao thông cấp III	2021-2024	1193 ngày 18/06/2021	148 800	107.000	37.000	37.000	18.920	18.920	37.000	37.000	107.300	107.000	148.800		148.800	107.200		107.200	41.500	0	0	0	
(4) Các dự án khởi công mới năm 2024																											
1	Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm B	huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Công trình giao thông cấp III	2024-2026		180.000	153.000	0						700	700	180.000		180.000	700		700	45.000	45.000		45.000	
B NGÀNH/ LĨNH VỰC...																											
... Phân loại như trên																											

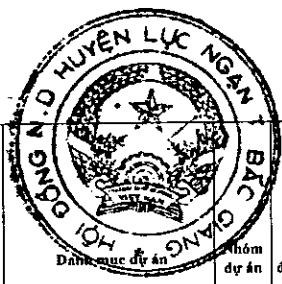


CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023; DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 VỐN TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/8/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú						
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:		Tổng số					Trong đó:							
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	TỔNG SỐ						2.762.674	2.400.587	299.495	82.097	109.839	78.597	299.495	82.097	573.923	260.479	1.622.097	1.904.950	33.100	1.874.959	407.116	322.167	-	322.168		
A	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT																									
I	Ngành, lĩnh vực....																									
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																									
1	Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phương Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang				2020-2021	1245 ngày 23/06/2020	48.170	8.170	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	45.500	5.500	46.668	6.668	6.668	1.168	1.168				1.168	
2	Cải tạo, nâng cấp kéo dài tuyến đường Trần Phú nối với đường vành đai thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang				2019-2023	5389 ngày 31/12/2019	162.293	162.293	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	84.284	84.284	84.470	84.470	84.470	186	186				186	
3	Lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt ở xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn				2021-2022	442 ngày 17/02/2022	5.869	3.349	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	4.410	1.890	5.869	3.349	3.349	1.459	1.459				1.459	
4	Lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt ở xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn				2021-2022	1328 ngày 19/04/2022	6.496	3.976	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	5.120	2.600	5.904	3.384	3.384	784	784				784	
5	Lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt ở các xã Phú Nhuận huyện Lục Ngạn				2021-2022	233 ngày 13/01/2022	4.097	1.577	-	-	-	-	-	-	3.307	787	3.787	1.267	1.267	480	480				480	
6	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ khu Ấp, trường mầm non Tân Quang	Nhóm C	xã Tân Quang	CTDD cấp III	2021-2024	6241 ngày 20/12/2021	3.732		300		300		300		2.400	1.500	3.732	2.832	2.832	1.332	1.332				1.332	
7	Xây dựng các hạng mục công trình thuộc trường mầm non Tân Lập	Nhóm C	xã Tân Lập	CTDD cấp III	2021-2023	6242 ngày 20/12/2021	6.978		1.090	790	1.090	790	1.090	790	3.790	2.290	6.978	5.478	5.478	3.188	3.188				3.188	
8	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường mầm non Kiên Lao	Nhóm C	xã Kiên Lao	CTDD cấp III	2021-2024	6247 ngày 21/12/2021	14.998		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	3.000	2.500	14.998	14.498	14.498	9.000	9.000				9.000	



TT	Đánh số dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:								Tổng số	Trong đó:				
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước									Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
9	Xây dựng nhà vệ sinh chung và nhà bếp khu Nông trường mầm non Kiên Lao	Nhóm C	xã Kiên Lao	CTDD cấp III	2021-2024	6243 ngày 20/12/2021	808	-	-	-	-	-	-	-	500	-	808	308	-	308	308	308	-	308	-		
10	Trường Mầm non Giáp Sơn	Nhóm C	xã Giáp Sơn	CTDD cấp III	2021-2025	-	35.000	3.500	1.000	1.000	-	-	1.000	1.000	5.163	5.163	35.000	35.000	-	35.000	18.000	18.000	-	18.000	-		
11	Xây dựng nhà lớp học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ Trường Tiểu học Quý Sơn 2	Nhóm C	xã Quý Sơn	CTDD cấp III	2021-2024	6244 ngày 20/12/2021	8.154	-	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.600	3.600	8.154	8.154	-	8.154	4.554	4.554	-	4.554	-		
12	Xây dựng nhà lớp học khu Đầm Trường Tiểu học Phương Sơn	Nhóm C	xã Phương Sơn	CTDD cấp III	2021-2023	6245 ngày 20/12/2021	4.638	-	1.200	700	1.200	700	1.200	700	3.900	1.400	4.638	2.138	-	2.138	738	738	-	738	-		
13	Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng khu trung tâm, trường Tiểu học Biển Đông	Nhóm C	xã Biển Đông	CTDD cấp III	2021-2023	-	9.600	9.600	6.600	500	-	-	6.600	500	7.600	1.000	9.600	9.600	-	9.600	-	-	-	-	Vốn NS xã		
14	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường tiểu học Tân Quang	Nhóm C	xã Tân Quang	CTDD cấp III	2021-2024	6246 ngày 20/12/2021	6.011	-	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	4.356	2.356	6.011	4.011	-	4.011	1.655	1.655	-	1.655	-		
15	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường THCS Tân Quang	Nhóm C	xã Tân Quang	CTDD cấp III	2021-2023	6248 ngày 21/12/2021	6.937	-	2.077	1.500	2.077	1.500	2.077	1.500	5.615	3.000	6.937	4.322	-	4.322	1.322	1.322	-	1.322	-		
16	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm trường THCS Đông Cốc	Nhóm C	xã Đông Cốc	CTDD cấp III	2021-2022	6249 ngày 21/12/2021	4.784	-	1.050	50	1.050	50	1.050	50	3.550	1.050	4.784	2.284	-	2.284	1.234	1.234	-	1.234	-		
17	Xây dựng nhà lớp học khu trung tâm THCS Kiên Lao	Nhóm C	xã Kiên Lao	CTDD cấp III	2021-2024	6250 ngày 21/12/2021	6.603	-	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	4.100	2.100	6.603	4.603	-	4.603	2.503	2.503	-	2.503	-		
18	Kè chống sạt lở sông Công (tuyến đường Đông Công đi Tân Thành) xã Tân Mộc	Nhóm C	xã Tân Mộc	Công trình NN và PTNT	2021-2023	6257 ngày 21/12/2021	4.305	-	2.000	-	2.000	-	2.000	-	2.829	-	4.305	1.476	-	1.476	-	-	-	-	Vốn Sự nghiệp		
19	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng làng cổ Bắc Hoa	Nhóm C	xã Tân Sơn	CTDD cấp IV	2021-2023	6240 ngày 20/12/2021	3.827	-	2.000	-	2.000	-	2.000	-	2.829	-	998	998	-	998	998	998	-	998	-		
20	Cải tạo đường vào nhà máy xử lý rác thải tập trung Cai Lè xã Kiên Thành	Nhóm C	xã Kiên Thành	Công trình GT cấp IV	2021-2022	6254 ngày 21/12/2021	348	-	342	342	342	342	342	342	342	642	642	348	348	-	348	-	-	-	-		
21	Xây công bản thôn Du, xã Đông Cốc	Nhóm C	xã Đông Cốc	Công trình GT cấp IV	2021-2023	6251 ngày 21/12/2021	900	-	200	200	200	200	200	200	900	900	900	900	-	900	-	-	-	-	-		



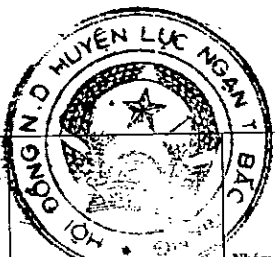
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:								Tổng số	Trong đó:					
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước									Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
22	Xây dựng cổng bản thôn Khuyến Quán, xã Biên Động	Nhóm C	xã Biên Động	Công trình GT cấp IV	2021-2023	6232 ngày 21/12/2021	700		200	200	200	200	200	200	700	700	700	700										
23	Cứng hóa đường giao thông khu sản xuất thôn Bình Lúa, xã Biên Sơn	Nhóm C	xã Biên Sơn	Công trình GT cấp IV	2022-2023	3145 ngày 02/12/2022	1.893		500	500	500	500	500	500	1.200	500	1.893	500		500	693	693			693			
24	Cứng hóa kênh tưới khu sản xuất thôn Bình Lúa, xã Biên Sơn	Nhóm C	xã Biên Sơn	Công trình NN và PTNT cấp IV	2022-2023	3146 ngày 02/12/2022	2.663		740	740	740	740	740	740	1.700	740	2.663	740		740	963	963				963		
25	Cứng hóa kênh tưới khu sản xuất thôn Độc Đình, xã Biên Sơn	Nhóm C	xã Biên Sơn	Công trình NN và PTNT cấp IV	2022-2023	3147 ngày 02/12/2022	796		520	520	520	520	520	520	800	520	796	520		520								
26	Cải tạo công trình đầu mối hồ chứa Độc Bát (hạng mục gồm đường giao thông; cải tạo, nâng cấp đập Độc Bát, xã Biên Động)	Nhóm C	xã Biên Động	Công trình NN và PTNT cấp IV	2022-2023	3148 ngày 02/12/2022	1.771		500	500	500	500	500	500	1.555	500	1.771	500		500	216	216				216		
27	Cứng hóa kênh tưới vùng sản xuất thôn Biên Dưới, xã Biên Động	Nhóm C	xã Biên Động	Công trình NN và PTNT cấp IV	2022-2023	3149 ngày 02/12/2022	450		350	350	350	350	350	350	450	350	450	350		350								
28	Đường bê tông vào khu du lịch sinh thái Đông Giao	Nhóm C	xã Quý Sơn		2022-2023	3190 ngày 12/12/2022	2.000		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	2.000	2.000		2.000	1.000	1.000				1.000		
29	Hệ thống đèn trang trí khu trung tâm huyện	Nhóm C	thị trấn Chủ		2022-2024	3194 ngày 12/12/2022	4.964		2.000	850	2.000	850	2.000	850	2.000	850	4.964	4.114		4.114	2.964	2.964				2.964		
30	Cầu thác Lười xã Tân Sơn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	xã Tân Sơn	Công trình GT cấp III	2021-2023	3643 ngày 06/07/2021	29.418		4.600	4.600			4.600	4.600	22.900	4.600	29.418	11.118		11.118	5.000	5.000				5.000		
31	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	xã Hồng Giang	Công trình HTKT	2020-2023	5382 ngày 30/10/2020	58.441	58.441	93	93	93	93	93	93	93	43.633	43.633	58.441	58.441		58.441	29.701	29.701			29.701	Trả quỹ đầu tư: 17 tỷ	
32	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư phố Kim, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	xã Phượng Sơn	Công trình HTKT	2020-2023	1926 ngày 08/04/2020	18.863	18.863	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	14.355	14.355	18.863	18.863		18.863	4.508	4.508				4.508	



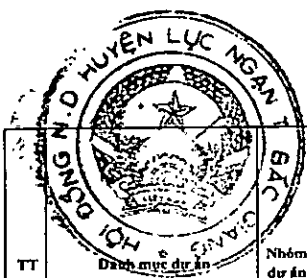
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú		
						TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:					
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
33	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	xã Kiên Thành	Công trình HTKT	2020-2023	3053 ngày 15/06/2020	19.619	19.619	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	10.686	10.686	19.619	19.619	19.619	8.689	8.689	8.689			8.689	XL: 2 tỷ
34	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư trại mới, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	xã Giáp Sơn	Công trình HTKT	2020-2023	6067 ngày 07/12/2021	27.434	27.435	14.543	14.543	14.543	14.543	14.543	14.543	15.843	15.843	27.434	27.434	27.434	17.419	17.419	17.419			17.419	Trả quỹ đầu tư: 7.194 tỷ
35	Hạ tầng kỹ thuật và KDC mới trung tâm xã Đèo Gia	Nhóm C	Xã Đèo Gia	Công trình HTKT	2020-2023	3433 ngày 30/06/2020	5.442	5.442	600	600	600	600	600	600	4.086	4.086	5.442	5.442	5.442	1.356	1.356	1.356			1.356	
36	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	Xã Nam Dương	Công trình HTKT	2020-2022	5355 ngày 08/10/2021	6.820	6.820	2.619	2.619	2.619	2.619	2.619	2.619	3.419	3.419	6.820	6.820	6.820	3.401	3.401	3.401			3.401	
37	Trường Tiểu học xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Hang mục: Nhà lớp học khu trung tâm và nhà lớp học khu lẻ thôn Cái Cạn	Nhóm C	xã Hộ Đáp	Công trình DD cấp III	2021-2024	6180B ngày 10/12/2021	8.686	3.036	3.216	-	3.216	-	3.216	-	5.077	-	8.686	3.036	3.036	3.036	3.036	3.036			3.036	
38	Xây dựng trường tiểu học Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Hang mục: nhà lớp học	Nhóm C	xã Cẩm Sơn	Công trình DD cấp III	2021-2023	6437 ngày 31/12/2021	5.214	714	2.256	-	2.256	-	2.256	-	3.717	-	5.214	714	714	714	714	714			714	
39	Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với các xã		Huyện Lục Ngạn	Công trình DD cấp III	2021-2025		143.936	143.936	1.500	1.500			1.500	1.500	11.000	11.000	143.936	143.936	143.936	18.054	18.054	18.054			18.054	Trả nợ
40	Quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Kim 1, xã Phượng Sơn	Nhóm C	xã Phượng Sơn	Công trình DD cấp III	2022-2023		500	500	150	150			150	150	350	350	500	500	500	150	150	150			150	Trả nợ
41	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu thời kỳ 2021 huyện Lục Ngạn	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình DD cấp III	2.021		3.875	3.875	700	700			700	700	1.200	1.200	3.875	3.875	3.875	2.000	2.000	2.000			2.000	
42	Lập kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lục Ngạn	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2.022		5.148	5.148	500	500			500	500	800	800	5.148	5.148	5.148	2.800	2.800	2.800			2.800	
43	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và KDC số 1 xã Nam Dương	Nhóm C	Xã Nam Dương		2.022		750	750	250	250			250	250	350	350	750	750	750	400	400	400			400	



TT	Đánh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:				
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước								Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
44	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và KDC xã Giáp Sơn	Nhóm C	xã Giáp Sơn		2.022	-	550	550	200	200			200	200	300	300	550	550		550	250	250			250	
45	Quy hoạch chi tiết 1/500 KDC trung tâm xã Tân Quang	Nhóm C	xã Tân Quang		2.022		500	500	100	100			100	100	300	300	500	500		500	200	200			200	
46	Quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Phi Điền - Giáp Sơn	Nhóm C	xã Phi Điền		2.022		500	500	200	200			200	200	300	300	500	500		500	200	200			200	
47	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư số 1 xã Quý Sơn, tỷ lệ 1/500	Nhóm C	xã Quý Sơn		2.022		780	780	200	200			200	200	200	200	780	780		780	580	580			580	
48	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2.023		2.300	2.300	1.150	1.150			1.150	1.150	1.150	1.150	2.300	2.300		2.300	1.150	1.150			1.150	
49	Lập Chương trình phát triển đô thị Chủ	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2.023		2.000	2.000	200	200			200	200	200	200	2.000	2.000		2.000	800	800			800	
50	Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Chủ tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2.023		2.380	2.380	200	200			200	200	200	200	2.380	2.380		2.380	500	500			500	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024																									
1	Hạ tầng KT khu đô thị mới Trần Phú giai đoạn 2, huyện Lục Ngạn	Nhóm B	thị trấn Chủ	Công trình HTKT	2021-2023	6237 ngày 20/12/2021	121.649	121.649									121.649	121.649		121.649					Xin gia hạn quý đầu tư: 65,5 tỷ	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư phân khu I, khu đô thị phía Tây, thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn	Nhóm B	thị trấn Chủ, Trù Hựu, Quý Sơn	Công trình HTKT	2021-2023	6254 ngày 21/12/2021	118.465	118.465									118.465	118.465		118.465	56.000	56.000			56.000	Trả nợ quý đầu tư: 55 tỷ
3	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đường Lê Duẩn kéo dài (giai đoạn 2)	Nhóm B	thị trấn Chủ	Công trình HTKT	2018-2023	469 ngày 25/02/219	78.773	78.773									78.773	78.773		78.773	41.500	41.500			41.500	Trả nợ quý đầu tư: 40 tỷ
4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Lê Lợi, thị trấn Chủ	Nhóm C	thị trấn Chủ	Công trình HTKT	2022-2024																8.000	8.000			8.000	Trả nợ QĐT
5	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Lê Hồng Phong (trụ sở UBND thị trấn Chủ cũ)	Nhóm C	thị trấn Chủ	Công trình HTKT	2023-2024		4.500	4.500													1.000	1.000			1.000	



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:							Tổng số			Trong đó:		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước										Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Sơn Hải, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	Nhóm C	xã Sơn Hải	Công trình dân dụng cấp III	2022-2024	2699 ngày 29/09/2022	26.000	11.021	11.196	-	11.196	-	11.196	-	11.879	-	26.000	11.021	-	11.021	6.000	6.000	-	6.000		
7	Trụ sở làm việc Công an thị trấn: Chủ	Nhóm C	thị trấn Chủ	Công trình DD cấp III	2021-2023	6174 ngày 10/12/2021	3.647	2.647	1.200	1.200	-	-	1.200	1.200	2.890	1.200	3.647	2.647	-	2.647	757	757	-	757		
8	Trụ sở làm việc Công an xã Phú Nhuận	Nhóm C	xã Phú Nhuận	Công trình DD cấp III	2021-2023	6176 ngày 10/12/2021	2.769	1.769	1.200	1.200	-	-	1.200	1.200	2.034	1.200	2.769	1.769	-	1.769	735	735	-	735		
9	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Quang	Nhóm C	xã Tân Quang	Công trình DD cấp III	2021-2022	6180 ngày 10/12/2021	2.813	1.813	1.200	1.200	-	-	1.200	1.200	2.742	1.200	2.813	1.813	-	1.813	71	71	-	71		
10	Trụ sở làm việc Công an xã Kiên Thành	Nhóm C	xã Kiên Thành	Công trình DD cấp III	2022-2023	6180A ngày 10/12/2021	3.889	2.889	1.200	1.200	-	-	1.200	1.200	1.313	1.200	3.889	2.889	-	2.889	1.000	1.000	-	1.000		
11	Trụ sở làm việc Công an xã Quý Sơn	Nhóm C	xã Quý Sơn	Công trình DD cấp III	2022-2023	1925A ngày 22/10/2021	4.000	3.000	1.200	1.200	-	-	1.200	1.200	1.311	1.200	4.000	3.000	-	3.000	1.000	1.000	-	1.000		
12	Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Hải	Nhóm C	xã Sơn Hải	Công trình DD cấp III	2021-2023	6178 ngày 10/12/2021	2.694	1.694	1.200	1.200	-	-	1.200	1.200	2.800	1.200	2.694	1.694	-	1.694	-	-	-	-		
13	Trụ sở làm việc Công an xã Biên Sơn	Nhóm C	xã Biên Sơn	Công trình DD cấp III	2022-2023	2770 ngày 06/10/2022	2.816	845	-	-	-	-	-	-	110	-	2.816	1.816	-	1.816	2.500	2.500	-	2.500		
14	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Mộc	Nhóm C	xã Tân Mộc	Công trình DD cấp III	2022-2024	1193 ngày 26/10/2022	3.398	1.019	1.300	300	-	-	1.300	300	1.300	300	3.398	1.019	-	1.019	1.000	719	-	719		
15	Trụ sở làm việc Công an xã Đông Cốc	Nhóm C	xã Đông Cốc	Công trình DD cấp III	2022-2024	1194 ngày 26/10/2022	3.408	1.022	1.300	300	-	-	1.300	300	1.300	300	3.408	1.022	-	1.022	1.000	722	-	722		



TT	Đang N.D. Huyện Lục Ngạn 1 Bắc	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:					
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước								Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
16	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hải	Nhóm C	xã Thanh Hải	Công trình DD cấp III	2022-2024	1266 ngày 15/11/2022	3.122	937	1.300	300	-	-	1.300	300	1.300	300	3.122	937	937	637	637	637			637		
17	Trụ sở làm việc Công an xã Cẩm Sơn	Nhóm C	xã Cẩm Sơn	Công trình DD cấp III	2022-2024	1192 ngày 26/10/2022	3.368	1.011	1.300	300	-	-	1.300	300	1.300	300	3.368	1.011	1.011	711	711	711			711		
18	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Lập	Nhóm C	xã Tân Lập	Công trình DD cấp III	2023-2024		3.800	1.140	300	300	-	-	300	300	300	300	3.800	2.800	-	1.140	342	342			342		
19	Trụ sở làm việc Công an xã Biên Đông	Nhóm C	xã Biên Đông	Công trình DD cấp III	2023-2024		4.500	1.350	300	300	-	-	300	300	300	300	4.500	3.500	-	1.350	405	405			405		
20	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Dương	Nhóm C	xã Nam Dương	Công trình DD cấp III	2023-2024		4.800	1.440	300	300	-	-	300	300	300	300	4.800	3.800	-	1.440	432	432			432		
21	Trụ sở làm việc Công an xã Đèo Gia	Nhóm C	xã Đèo Gia	Công trình DD cấp III	2023-2024		4.500	1.350	300	300	-	-	300	300	300	300	4.500	3.500	-	1.350	405	405			405		
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																										
1	Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (Đoạn 1 từ Km6+776.16 đến Km13+890, đoạn 2 từ Km18+236 đến Km26+981.60) huyện Lục Ngạn	Nhóm B	Xã Sơn Hải, Xã Hộ Đáp	Công trình giao thông cấp IV	2022-2025	2702 ngày 29/09/2022	93.000	46.559	25.256	-	-	19.000	19.000	25.256	27.104	-	93.000	46.559	-	46.559	33.300	-	-	-	-	-	-
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh; phòng chức năng 2 tầng; Bàn kê sản bán trú, lan can bờ sán, sân bê tông, vánh lao bao quanh; Nhà ăn bán trú, phòng trực quản sinh	Nhóm C	xã Sơn Hải	Công trình dân dụng cấp III	2023-2025	3222 ngày 16/12/2022	25.000	5.706	3.458	-	-	3.458	-	3.458	3.700	-	25.000	5.706	-	5.706	10.000	-	-	-	-	-	-



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú						
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước					Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đi xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Nhóm B	Xã Sơn Hải, Xã Hộ Đáp	Công trình giao thông cấp IV	2023-2025	3221 ngày 16/12/2022	83.000	49.411	3.289		3.289		3.289		3.789		8.300	49.411	=	49.411	41.089					
4	Xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Lục Ngạn, giai đoạn 2019-2025	Nhóm B	xã Kiên Thành	Công trình quốc phòng	2019-2025		51.303	51.303	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	8.735	8.735										
5	Trung tâm liên hợp thể thao huyện Lục Ngạn (giai đoạn 1)	Nhóm C	thị trấn Chủ		2023-2025		50.000	34.000	16.000				16.000		16.000		50.000	34.000		34.000						
6	Xây dựng công viên trung tâm huyện Lục Ngạn (giai đoạn 1)	Nhóm C	thị trấn Chủ		2023-2025		45.000	34.000	11.000				11.000		11.000		45.000	34.000		34.000						
7	Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường QL31 (đoạn Phương Sơn - Thị trấn Chủ - Hồng Giang)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2023-2025		68.000	30.300	37.700				37.700		37.700		68.000	30.300		30.300						
8	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến TL289 và TL289 kéo dài, đoạn Nam Dương - Trù Hưu	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2023-2025		18.000	6.000	12.000				12.000		12.000		18.000	6.000		6.000						
9	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lê Duẩn, thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		14.500	2.500	12.000				12.000		12.000		14.500	2.500		2.500						
10	Chỉnh trang, cải tạo tuyến đường Dã Tượng và tuyến đường từ ngã ba Trung Nghĩa đi Tổ dân phố Nghĩa, thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		14.700	6.700	8.000				8.000		8.000		14.700	6.700		6.700						
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường (tuyến Phạm Ngũ Lão, tuyến Yên Kiêu và tuyến từ ngã Tư tuyến Hình vào chùa Khánh Vân), thị trấn Chủ	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		14.300	6.300	8.000				8.000		8.000		14.300	6.300		6.300						
12	Xây dựng Nhà tang lễ huyện Lục Ngạn (khu vực Trung tâm Y tế huyện)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2023-2025		10.000	9.500	500				500		500		10.000	9.500		9.500						



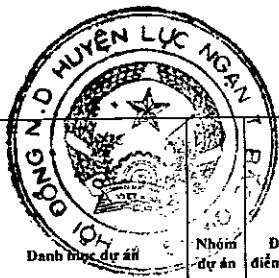
TT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:				
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước								Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
13	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực, lưu vực thị trấn Chủ (giai đoạn 1)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		55.000	54.500	500	-	-	-	500		500	-	55.000	54.500	-	54.500	-	-	-	-	-	-
14	Cải tạo, nâng cấp cầu Suối Bông, xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		11.000	5.000	6.000	-	-	-	6.000		6.000	-	11.000	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-
15	Lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường đến trung tâm xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2023-2025		14.500	6.000	8.500	-	-	-	8.500		8.500	-	14.500	6.000	-	6.000	-	-	-	-	-	-
16	Thảm mặt đường trục chính vào trung tâm xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		6.500	2.000	4.500	-	-	-	4.500		4.500	-	6.500	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-
17	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính khu trung tâm xã Phương Sơn - Tuyến QL31 vào Nhà văn hóa thôn Từ Xuyên	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		4.000	3.000	1.000	-	-	-	1.000		1.000	-	4.000	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-
18	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính khu trung tâm xã Phương Sơn - Tuyến QL31 vào Nhà văn hóa thôn Phương Khê	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		6.000	5.000	1.000	-	-	-	1.000		1.000	-	6.000	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT289 đi nhà văn hóa thôn Mịn To, xã Trù Hựu	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		10.000	5.500	4.500	-	-	-	4.500		4.500	-	10.000	5.500	-	5.500	-	-	-	-	-	-
20	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL31 vào thôn Kép I, xã Hồng Giang	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		10.000	8.000	2.000	-	-	-	2.000		2.000	-	10.000	8.000	-	8.000	-	-	-	-	-	-
21	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Tân Trường xã Thanh Hải đi thôn Sậy xã Trù Hựu	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		7.000	5.000	2.000	-	-	-	2.000		2.000	-	7.000	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-
22	Cải tạo mở rộng tuyến đường từ đường trục chính vào UBND xã Thanh Hải (Đoạn từ nhà ông Sạc đến nhà ông Hải)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		3.500	3.000	500	-	-	-	500		500	-	3.500	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-



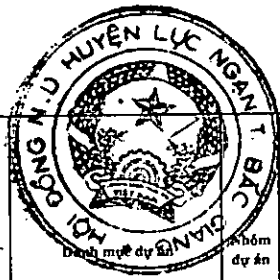
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023								Dự bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn gini đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:								Tổng số	Trong đó:				
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước									Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
23	Cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang diện chiếu sáng, các hạng mục cần thiết khác một số tuyến đường trung tâm thị trấn Chũ	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		4.500	2.000	2.500	-	-	-	2.500		2.500	-	4.500	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-		
24	Mở rộng, cứng hóa đường trục thôn Lam Sơn, Trại Giáp và Cẩm Hoàng, xã Kiên Thành	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		5.500	4.500	1.000	-	-	-	1.000		1.000	-	5.500	4.500	-	4.500	-	-	-	-	-		
25	Cải tạo, mở rộng mặt đường giao thông đoạn thôn Ngọc Nương đi Cầu phao An Phú, xã Mỹ An	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		5.900	2.400	3.500	-	-	-	3.500		3.500	-	5.900	2.400	-	2.400	-	-	-	-	-		
26	Cải tạo, mở rộng mặt đường trục thôn khu trung tâm, xã Nam Dương	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		5.500	4.500	1.000	-	-	-	1.000		1.000	-	5.500	4.500	-	4.500	-	-	-	-	-		
27	Xây dựng rãnh thoát nước khu trung tâm xã Kiên Lao	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		5.000	4.700	300	-	-	-	300		300	-	5.000	4.700	-	4.700	-	-	-	-	-		
28	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Quý Sơn (đường DH86)	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn	Công trình GT cấp IV	2023-2025		14.500	8.500	6.000	-	-	-	6.000		6.000	-	14.500	8.500	-	8.500	-	-	-	-	-		
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2024																										
4.1	Lĩnh vực quy hoạch																										
1	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2024-2025		2.500	2.500										2.500		2.500	1.000	1.000		1.000			
2	Đo đạc bản đồ địa chính xã Phong Minh, Sa Lý	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2024-2025		16.000	16.000										16.000		16.000	2.000	2.000		2.000			
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2024-2025		500	500										500		500	500	500		500			
4	Lập quy hoạch chi tiết 1/500 KDC Lim, xã Giáp Sơn	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2024-2025		750	750										750		750	300	300		300			



TT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Năm 2023				Đã bỏ trị vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/10/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Tổng số	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB (nếu có)						
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước												Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
18	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Lục Ngạn	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2.024		1.200	1.200	150	150				150	150	150	150	1.200	1.200	1.200	200	200			200			
4.2 Lĩnh vực giao thông																												
1	Mở đường kết nối từ thôn Phong Đào ra quốc lộ 31, xã Đồng Cốc	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			120.000											1.000		1.000	100	100		100	CBĐT		
2	Đường Giao thông từ vành đai thị trấn Chũ đi xã Thanh Hải	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025		350.000	350.000											2.500		2.500	800	800		800	CBĐT		
4.3 Lĩnh vực hạ tầng phòng chống thiên tai, thủy lợi																												
1	Xử lý sự cố sạt lở bờ sông Lục Nam đoạn qua thôn Hoà Mục, xã Mỹ An	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			60.000											1.000		1.000	200	200		200			
4.4 Lĩnh vực Hạ tầng KT-XH																												
1	Xây dựng Trung tâm hành chính huyện Lục Ngạn	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			95.000											95.000		95.000	500	500		500			
2	Hạ tầng kỹ thuật và KDC xã Nam Dương (GPMB tạo quỹ đất sạch xây dựng Trụ sở Công An, Viện Kiểm sát nhân dân huyện)	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			72.000											72.000		72.000	100	100		100			
3	Hạ tầng kỹ thuật và Khu dân cư trung tâm xã Kiên Lao	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			65.000											65.000		65.000	100	100		100			
4	Khu dân cư trung tâm xã Giáp Sơn	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			85.000											85.000		85.000	100	100		100			
5	HTKT&KDC trung tâm xã Đồng Cốc	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			85.000											85.000		85.000	100	100		100			
6	HTKT&KDC trung tâm xã Tân Hoa	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			60.000											60.000		60.000	100	100		100			
7	HTKT&KDC Biên Động	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			80.000											80.000		80.000	100	100		100			



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước					Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
8	Xây dựng trụ sở và các công trình phụ trợ Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kiên Lao	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025			18.000									18.000		18.000	100	100	100		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Am Vải, xã Nam Dương	Nhóm C	Xã Nam Dương		2.024		35.000	5.000	500	500		500	500	500	500	35.000	35.000	5.000						
10	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Phú Nhuận	Nhóm C	xã Phú Nhuận				51.140																	
11	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư thôn Vừa Ngoài, xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nhóm C	xã Phong Vân				35.385																	
12	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Tân Thành, xã Tân Mộc	Nhóm B	xã Tân Mộc				73.566																	
13	Hạ tầng kỹ thuật khu và dân cư Phi Điện, Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn	Nhóm B	Xã Phi Điện				179.938																	
14	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư trung tâm xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn	Nhóm B	xã Tân Quang				179.758																	
4.5	Lĩnh vực văn hóa xã hội																							
1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng làng cổ Bắc Hoa	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025		18.000										18.000		18.000	1.000	1.000	1.000		
4.6	Lĩnh vực giáo dục																							
	Khởi mầm non																							
1	Trường MN Đèo Gia: Nhà lớp học, phòng chức năng 8 phòng	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025																			Vốn NS xã, huyện CBĐT
	Khởi Tiểu học																							
1	Trường TH Chủ số 1: Nhà lớp học 3 tầng, 20 phòng	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025																			Vốn NS thị trấn CBĐT
2	Trường TH Mỹ An: Nhà lớp học 12 phòng	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025																			CBĐT
4.7	Y tế																							
1	Xây mới trạm y tế xã Quý Sơn	Nhóm C	Huyện Lục Ngạn		2024-2025		6.500										6.500		6.500					



TT	Đánh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2023						Đã bố trí vốn đến hết KHI năm 2023		KHI đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn bao gồm cả hỗ trợ của NS cấp trên)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:									
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XD/CB (nếu có)	Tổng số				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB (nếu có)			
1						7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
2	Xây mới trạm y tế xã Tân Quang	Nhóm C	Huyện Lạc Ngạn		2024-2025		6.500											6.500		6.500							
4.8	Lĩnh vực an ninh - Quốc phòng																										
1	Trụ sở làm việc Công an xã Phong Minh	Nhóm C	xã Phong Minh	CT DD cấp III	2024-2025		4.800	1.440	100					100	100		4.800		4.800	1.440	432	432		432			
2	Trụ sở làm việc Công an xã Sa Lý	Nhóm C	xã Sa Lý	CT DD cấp III	2024-2025		3.800	1.140	100					100	100		3.800		3.800	1.140	342	342		342			
3	Trụ sở làm việc Công an xã Trù Hưu	Nhóm C	xã Trù Hưu	CT DD cấp III	2024-2025		4.800	1.440	100					100	100		4.800		4.800	1.440	432	432		432			
4	Trụ sở làm việc Công an xã Giáp Sơn	Nhóm C	xã Giáp Sơn	CT DD cấp III	2024-2025		3.800	1.140	100					100	100		3.800		3.800	1.140	342	342		342			
5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Hòa	Nhóm C	xã Tân Hòa	CT DD cấp III	2024-2025		4.800	1.440	100					100	100		4.800		4.800	1.440	432	432		432			
6	Trụ sở làm việc Công an xã Phương Sơn	Nhóm C	xã Phương Sơn	CT DD cấp III	2024-2025		3.500	1.050	100					100	100		3.500		3.500	1.050	315	315		315			
7	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Sơn	Nhóm C	xã Tân Sơn	CT DD cấp III	2024-2025		3.800	1.140	100					100	100		3.800		3.800	1.140	342	342		342			
8	Trụ sở làm việc Công an xã Hộ Đáp	Nhóm C	xã Phi Diễn	CT DD cấp III	2024-2025		3.800	1.140	100					100	100		3.800		3.800	1.140	342	342		342			
4.9	KP Giải phóng MB, trả nợ 07, chuẩn bị đầu tư; hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng...																				30.000	30.000		30.000			
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU... (1)																										
...	Phân loại như phần A																										

Ghi chú: (1) Báo cáo từng loại nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật